

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **933/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 08/12/2021
V/v Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước;
2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1713/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Tuyết A**, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Bị đơn: Ông **Phạm Tấn T**, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 22/71 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Lê Tuyết A và ông Phạm Tấn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/7/1985 theo giấy công nhận kết hôn số 39, quyển số 1/P7. Quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Phạm Lê Ánh V, sinh năm 1985. Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020, bà Lê Tuyết A yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Tấn T; về con chung đã trưởng thành

và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: bà yêu cầu được sở hữu căn nhà số 22/71 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và giao lại căn nhà số 20/11/2 đường An Phú Đông 9, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Phạm Tấn T; về nợ chung bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ghi nhận những vấn đề sau đây:

Tại đơn đề ngày 07/01/2021, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là hai căn nhà nêu trên. Bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân. Tại đơn đề ngày 03/12/2021, nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại các bản khai và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đồng ý ly hôn; về con chung, ông thừa nhận có một con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động; về tài sản chung ông xác định nếu phải ly hôn hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn xin vắng mặt;

Bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp tài sản chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Tấn T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ 22/71 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Các tài

liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được ghi nhận trong Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/5/2021.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo Giấy công nhận kết hôn số 39, quyền số 1/P7 đăng ký ngày 12/7/1985 tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Lê Tuyết A và ông Phạm Tấn T đã có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét, từ thời điểm thụ lý vụ án phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tổ chức nhiều buổi làm việc, hòa giải, động viên các đương sự đoàn tụ nhưng nguyên đơn vẫn kiên quyết không thay đổi ý kiến. Phía bị đơn cũng thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn trong nhiều năm, chủ yếu do sự khác nhau về quan điểm và cách nuôi dạy con. Bị đơn yêu cầu hòa giải nhưng không đưa ra phương án nào để hàn gắn với nguyên đơn, không có những hành động thể hiện thiện chí của mình. Các đương sự đều thừa nhận hiện nay tuy sống chung nhà nhưng không có quan hệ như vợ chồng, mỗi người một cuộc sống riêng, không quan tâm nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy mặc dù địa phương chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng cuộc sống gia đình nhất thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa các thành viên. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình nhưng nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng và đủ trách nhiệm. Hôn nhân là sự tự nguyện giữa hai bên, tự nguyện yêu thương và tự nguyện chung sống, không thể ép buộc. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm vợ chồng, kiên quyết ly hôn, không hòa giải. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Theo bản sao y giấy khai sinh số 218, quyền số 01/P7 do Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp cho bà Phạm Lê Ánh Vân, sinh ngày 09/12/1985 thể hiện con chung đã trưởng thành; hai bên đương sự thống nhất con chung có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn đã rút phần tranh chấp về tài sản, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm d Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 217, 227, 235, 238, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Lê Tuyết A và ông Phạm Tấn T ly hôn.

Giấy công nhận kết hôn số 39, quyển số 1/P7 đăng ký ngày 12/7/1985 tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Lê Tuyết A và ông Phạm Tấn T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà Lê Tuyết A đối với căn nhà số 22/71 Huỳnh Đình Hai, Phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số 20/11/2 đường An Phú Đông 9, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về con chung: Đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Tuyết A được miễn nộp án phí.

6. Bà Lê Tuyết A, ông Phạm Tấn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- CCTHADS Q. Bình Thạnh;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh

